

QUỸ ETF SSIAM VNX50**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No. 449/2018/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2018
Ha Noi, 27 September 2018**CÔNG BỐ THÔNG TIN**
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**ANNOUNCEMENT**
AFTER EXCHANGE TRADINGKính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 26/09/2018
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Components securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2.300	5,7%
2	ASM	290	0,3%
3	BID	340	0,9%
4	BMP	80	0,4%
5	BVH	140	1,0%
6	CII	370	0,7%
7	CTD	90	1,1%
8	CTG	740	1,5%
9	DCM	260	0,2%
10	DHG	90	0,6%
11	DPM	310	0,4%
12	DXG	520	1,1%
13	FLC	1.150	0,5%
14	FPT	990	3,3%
15	GAS	200	1,7%
16	GMD	320	0,6%
17	GTN	330	0,3%



18	HBC	300	0,5%
19	HCM	110	0,5%
20	HPG	2.590	7,8%
21	HSG	500	0,5%
22	ITA	1.330	0,3%
23	KBC	710	0,7%
24	KDC	250	0,5%
25	MBB	2.410	4,0%
26	MSN	860	5,9%
27	MWG	430	4,0%
28	NKG	160	0,2%
29	NLG	230	0,5%
30	NVL	640	3,0%
31	PDR	220	0,4%
32	PLX	230	1,2%
33	PNJ	230	1,7%
34	PVD	380	0,6%
35	PVS	400	0,7%
36	REE	340	0,9%
37	ROS	280	0,8%
38	SAB	190	3,0%
39	SBT	550	0,9%
40	SHB	2.000	1,3%
41	SSI	620	1,5%
42	STB	3.480	3,2%
43	VCB	730	3,4%
44	VCG	200	0,3%
45	VCI	200	0,9%
46	VGC	400	0,6%
47	VIC	1.190	8,6%
48	VJC	550	6,1%
49	VNM	870	8,7%
50	VPB	3.000	5,7%
II	Tiền/Cash	8.497.349 VND	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and one lot of ETF in value:*

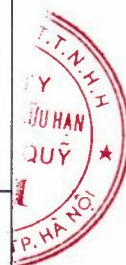
- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Basket in value* 1.362.275.600 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* 1.370.772.949 VND
- + Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* 8.497.349 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Plan to reduce the spread*

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/*With creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	97.000	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
2	SSI	32.950	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
3	VCB	64.400	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
4	ACB	34.000	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	CTG	27.800	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	FPT	45.900	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	GMD	27.150	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MBB	22.900	Nhà đầu tư nước ngoài / <i>Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>



m

9	MWG	126.300	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	NLG	31.800	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
11	PNJ	103.500	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	REE	36.200	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	VPB	25.900	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (26/09/2018)	Kỳ trước/Last Period (25/09/2018)	Chênh lệch/ Change
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares	9.700.000	9.700.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	13.810	13.700	110
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
<i>của quỹ ETF/ of the Fund</i>	<i>132.964.976.125</i>	<i>133.043.278.959</i>	<i>-78.302.834</i>
<i>của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit</i>	<i>1.370.772.949</i>	<i>1.371.580.195</i>	<i>-807.246</i>
<i>của 1 CCQ/ per Share</i>	<i>13.707,72</i>	<i>13.715,80</i>	<i>-8,08</i>
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1551,11	1554,72	-3,61

